

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HC-ST
Ngày 30-11-2018
V/v khiếu kiện hành vi hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Phích

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vinh

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thúy Hà – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 09/2018/TLST-HC ngày 06 tháng 3 năm 2018 về khiếu kiện hành vi hành chính theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 848/2018/QĐXXST-HC ngày 06 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 3480/2018/QĐST-HC ngày 13/11/2108 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị D; địa chỉ: Tổ 46, cụm 8 phường A, quận B, TP Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

+ Ông Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Đội 6, thôn C, xã D, huyện Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Số 59/182 đường E, phường F, quận B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Lê Đức G; địa chỉ: Số 98/51 G, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số 19 đường E, quận B, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Thanh S– Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Đình L; địa chỉ: Tổ 46, cụm 8 phường A, quận B, TP Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 16/01/2018; đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện là ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị D và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày:*

Ông Quang, bà Dự là chủ sử dụng hợp pháp diện tích 80m² thửa đất số 468 tờ bản đồ số 01, tại khu 8 phường A, quận B, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc diện tích đất như sau: Vợ chồng ông Trần Đức Tiến và bà Nguyễn Thị Thăng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Mai Anh được UBND phường A, quận B xác nhận ngày 10/10/1995. Bà Nguyễn Thị Mai Anh chuyển nhượng lại cho ông Trần Đức Thành được UBND phường A, quận B xác nhận ngày 25/4/1996. Ngày 24/6/2000, UBND phường A, quận B đã cấp trích đo mặt bằng sử dụng đất cho ông Trần Đức Thành diện tích 180m². Ông Trần Đức Thành chuyển nhượng 80m² đất thuộc thửa đất số 468 tờ bản đồ số 01 nêu trên cho ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị D.

Trong quá trình khởi kiện và giải quyết vụ án hành chính số 02/2017/TLST-HC ngày 12/01/2017 tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, ông Quang, bà Dự mới biết được toàn bộ diện tích đất 80m² trên bị thu hồi thực hiện Dự án ngã 5 Sân bay Cát Bi. Ngày 27/9/2017 người đại diện theo ủy quyền của ông Quang, bà Dự thực hiện thủ tục khiếu nại đến UBND quận B với hai nội dung:

+ Khiếu nại UBND quận B thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi, đền bù diện tích 80m² là không đúng đối tượng, không đúng thực trạng nguồn gốc sử dụng đất. Đây là đất ở đô thị của ông Quang, bà Dự, không phải đất của anh Long. Ông Quang, bà Dự không ủy quyền cho anh Long đứng tên kê khai, nhận tiền đền bù đất.

+ Yêu cầu Chủ tịch UBND quận B giải quyết đúng quy định pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của ông Quang, bà Dự.

Ngày 30/10/2017, UBND quận B có Thông báo số 1073/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại với lý do nội dung khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND quận B.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, ông Quang, bà Dự khởi kiện yêu cầu Tòa án:

+ Hủy Thông báo số 1073/TB-UBND ngày 30/10/2017 của UBND quận B về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại

+ Tuyên hành vi hành chính của UBND quận B khi thu hồi diện tích 80m²

thuộc thửa đất số 468 tờ bản đồ số 01 tại khu 8 phường A, quận B, thành phố Hải Phòng của ông Quang, bà Dự không bồi thường về đất ở đô thị là trái quy định của pháp luật;

+ Buộc UBND quận B phải bồi thường cho ông Quang, bà Dự theo giá đất ở đô thị.

- *Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B trình bày:*

+ *Về nội dung đề nghị hủy Thông báo số 1073/TB-UBND ngày 30/10/2017 của UBND Quận B, thành phố Hải Phòng về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại:*

Ngày 30/10/2017, UBND Quận B đã ban hành Thông báo số 1073/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại, trong đó có nội dung: Ông Nguyễn Văn H (đại diện uỷ quyền của ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị D) khiếu nại về việc UBND Quận B thực hiện trình tự thủ tục thu hồi, đền bù đất của gia đình ông Quang, bà Dự không đúng đối tượng, không đúng thực trạng nguồn gốc sử dụng đất.

Việc bồi thường, hỗ trợ, đền bù đất như trình bày trong đơn khiếu nại đề ngày 27/9/2017 của ông Nguyễn Văn H (đại diện uỷ quyền của ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị D) thực hiện theo Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 02/7/2004 của UBND thành phố Hải Phòng về việc duyệt mức đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất và tài sản trên đất khi thu hồi đất tại phường A, Quận B để thực hiện Dự án Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Ngã 5 – Sân bay Cát Bi (đợt 20).

Căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011, đơn khiếu nại đề ngày 27/9/2017 của ông Nguyễn Văn H (đại diện uỷ quyền của ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị D) không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND Quận B.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị D đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tuyên hủy Thông báo số 1073/TB-UBND ngày 30/10/2017 của UBND Quận B, thành phố Hải Phòng về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

+ *Về nội dung tuyên buộc UBND Quận B đền bù 80m² đất theo giá đất ở đô thị:*

Về trình tự thủ tục thu hồi đất đối với phần diện tích 80m²:

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 21/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Ngã 5 – Sân bay Cát Bi, ngày 12/6/2003, Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng Quận B đã tiến hành kiểm kê đối với phần diện tích đất trên đã được ông Nguyễn Đình L ký xác nhận và cam đoan số liệu kiểm kê trên là đúng và không còn thiếu sót gì nếu

sai ông xin chịu trách nhiệm. Ngày 15/01/2004, UBND phường A đã có Bảng tổng hợp xác nhận nguồn gốc sử dụng đất lô 3, 27 và lô 28a (đợt 2, các hộ bờ mương) cụm dân cư số 1, 2, 7, 8, phường A, Quận B: đất của hộ ông Nguyễn Đình L là đất nông nghiệp cá thể xây nhà sau năm 2000 trên đất nông nghiệp cá thể (đất vườn) mua lại của ông Túc thuộc thửa số 72, tờ số 01 lô 3, diện tích 147,5m².

Trên cơ sở kết quả kiểm kê và nguồn gốc sử dụng đất đối với hộ ông Nguyễn Đình L, liên sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng đã ban hành Tờ trình số 1112/TT-LS ngày 23/6/2004 về việc duyệt mức đền bù, thiệt hại đất đai và tài sản trên đất khi thu hồi đất phạm vi lô 3, lô 27, lô 28a, phường A, Quận B để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Ngã 5 – Sân bay Cát Bi – đợt 20. UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 02/7/2004 phê duyệt đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất và tài sản trên đất khi thu hồi đất tại phường A, quận B để thực hiện dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Ngã 5 – Sân bay Cát Bi (đợt 20) đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình L. Tuy nhiên, hộ gia đình ông Nguyễn Đình L không chấp hành nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng, ngày 16/01/2007 UBND quận B đã ban hành Quyết định số 133/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với 51 hộ dân thuộc lô 3, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Đình L.

Như vậy, về trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình L, UBND thành phố, UBND Quận B đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc sử dụng đất đối với phần diện tích 80m² theo kiến nghị của ông Nguyễn Đình Q và vợ là bà Trần Thị D, cụ thể như sau:

Căn cứ Bảng tổng hợp xác nhận nguồn gốc sử dụng đất lô 3, 27 và lô 28a (đợt 2, các hộ bờ mương) cụm dân cư số 1, 2, 7, 8, phường A, Quận B của UBND phường A lập ngày 15/01/2004: đất của hộ ông Nguyễn Đình L là đất nông nghiệp cá thể xây nhà sau năm 2000 trên đất nông nghiệp cá thể (đất vườn) mua lại của ông Túc thuộc thửa số 72, tờ số 01 lô 3, diện tích 147,5m².

Phần diện tích đất trên theo bản đồ thu hồi đất lập năm 2003 thuộc một phần thửa đất số 72, diện tích 836,6m². Năm 2003 ông Nguyễn Đình L (con trai ông Nguyễn Đình Q) đã đứng tên kê khai, kiểm kê ngày 12/6/2003 (ông Nguyễn Đình L đã ký biên bản kiểm kê).

Theo bản đồ giải thửa và sổ mục kê năm 1987 thuộc thửa số 468, tờ bản đồ số 01 là đất nông nghiệp cá thể mang tên ông Trần Đức Minh diện tích là 1.304m²; theo bản đồ địa chính phường A lập năm 1999 thuộc thửa số 53, tờ bản đồ ĐK7: mục đích sử dụng: trồng lúa, tên chủ sử dụng là UBND phường A. Ông Trần Đức Túc (là con trai ông Trần Đức Minh) để lại cho cháu nội là Trần Đức Tiến quản lý sử dụng.

Căn cứ Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 11/7/2001 của UBND thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh mức giá đền bù đất nông nghiệp đối với diện tích đất tại các quận Hồng Bàng, H, B, Kiến An.

Căn cứ Quyết định số 810/QĐ-UB ngày 26/4/2001 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt đơn giá vật kiến trúc khi thu hồi đất giải phóng mặt bằng thuộc Dự án Khu đô thị mới Ngã 5 – Sân bay Cát Bi

Căn cứ Quyết định số 423/QĐ-UB ngày 22/02/2002 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định tạm thời về thực hiện công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Ngày 23/6/2004 liên sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng ban hành Tờ trình số 1112/TT-LS:

Tổng diện tích thu hồi là: 25.795,30m², cụ thể:

+ Diện tích đất nông nghiệp do HTX giao: 8.205,24m².

+ Diện tích đất nông nghiệp cá thể: 14.947,95m².

+ Diện tích đất lấn chiếm bờ mương: 2.642,11m²

Đất của hộ ông Nguyễn Đình L là đất nông nghiệp cá thể xây nhà sau năm 2000 trên đất nông nghiệp cá thể (đất vườn) mua lại của ông Túc thuộc thửa số 72, tờ số 01 lô 3, diện tích 147,5m². Các hộ sử dụng đất có nguồn gốc không hợp lệ hoặc canh tác trên đất đền bù theo đơn giá đất nông nghiệp là 30.000đ/m².

Đối chiếu với quy định tại mục 2, ý g, khoản 2, Điều 5, Quyết định số 423/QĐ-UB ngày 22/02/2002 của UBND thành phố Hải Phòng: Đất ở do chuyển mục đích sử dụng trái phép từ đất canh tác (kể cả 5%) sau ngày 15/10/1993 bồi thường theo giá đất nông nghiệp.

- Trên cơ sở Tờ trình số 1112/TT-LS ngày 23/6/2004 của liên sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 02/7/2004 phê duyệt đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất và tài sản trên đất khi thu hồi đất tại phường A, Quận B để thực hiện dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Ngã 5 – Sân bay Cát Bi (đợt 20), trong đó hộ ông Nguyễn Đình L được bồi thường, hỗ trợ cụ thể như sau:

+ Diện tích thu hồi là 147,5m²

+ Đơn giá bồi thường là: 30.000đ/m².

+ Tổng số tiền bồi thường đối với đất là: 4.425.000đồng.

+ Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ VKT là: 34.582.774 đồng

Vậy tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và VKT là 39.007.774 đồng.

- Hộ ông Nguyễn Đình L không được giao đất ở do tại thời điểm đó ông Long đang ở và ĐKKH tại vị trí khác thuộc tổ 46 cụm 8 cùng bố mẹ là bà Trần Thị D (theo bảng tổng hợp kết quả xác minh nhân hộ khẩu của Công an phường A ngày 26/10/2006)

Gia đình ông Nguyễn Đình L không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và không bàn giao mặt bằng theo quy định.

Ngày 16/01/2007 UBND quận B đã ban hành Quyết định số 133/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với 51 hộ dân thuộc lô 3, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Đình L.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị D đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tuyên buộc UBND Quận B đền bù 80m² đất theo giá đất ở đô thị.

+ *Về nội dung đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tuyên hành vi hành chính của UBND Quận B khi thu hồi diện tích 80m² thuộc thửa đất số 468, tờ bản đồ số 01, khu 8 phường A, Quận B, thành phố Hải Phòng của ông Quang, bà Dự không bồi thường đất ở đô thị là trái quy định của pháp luật:*

Căn cứ vào nguồn gốc sử dụng đất và chính sách bồi thường, hỗ trợ về đất đối với ông Nguyễn Đình L đã được trình bày theo nội dung kiến nghị thứ hai. Hộ ông Nguyễn Đình L được UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 02/7/2004 phê duyệt đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất và tài sản trên đất khi thu hồi đất tại phường A, quận B để thực hiện dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Ngã 5 – Sân bay Cát Bi (đợt 20).

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị D.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Về yêu cầu hủy Thông báo số 1073/TB-UBND ngày 30/10/2017 của UBND quận B về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là anh Lê Đức G đã có đơn xin xét xử vắng mặt và rút yêu cầu khởi kiện này, căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật TTHC đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Về yêu cầu tuyên hành vi hành chính của UBND quận B khi thu hồi diện tích 80m² thuộc thửa đất số 468, tờ bản đồ số 01, khu 8 phường A, Quận B, thành phố Hải Phòng của ông Quang, bà Dự không bồi thường đất ở đô thị là trái quy định của pháp luật: UBND quận B không ra quyết định thu hồi đất, không có quyết

định phê duyệt mức bồi thường và không có hành vi hành chính nào liên quan trực tiếp đến việc thu hồi diện tích đất của ông Quang, bà Dự. Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 21/02/2000 về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Ngã năm – Sân bay Cát Bi. Thực hiện quyết định này, UBND thành phố Hải Phòng đã có Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 02/7/2004 phê duyệt, trợ cấp thiệt hại khi thu hồi đất tại phường A. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của ông Quang, bà Dự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Ông Quang, bà Dự khởi kiện yêu cầu: Hủy Thông báo số 1073/TB-UBND ngày 30/10/2017 của UBND quận B về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại; tuyên hành vi hành chính của UBND quận B khi thu hồi diện tích 80m² thuộc thửa đất số 468 tờ bản đồ số 01 tại khu 8 phường A, quận B, thành phố Hải Phòng của ông Quang, bà Dự không bồi thường về đất ở đô thị là trái quy định của pháp luật; buộc UBND quận B phải bồi thường cho ông Quang, bà Dự theo giá đất ở đô thị, căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, ông Quang, bà Dự đã được triệu tập hợp lên nhưng vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của ông Quang, bà Dự là ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt; ông Lê Đức G vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện vắng mặt nhưng có Văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Đình L được Tòa án bổ sung tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thể hiện gia đình ông Long vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường, nhưng hiện tại đã chuyển đi nơi khác không báo chính quyền địa phương, địa phương không nắm được nơi ở mới. Căn cứ Điều 168 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về phạm vi khởi kiện: Trước khi mở phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Quang, bà Dự đã xin rút nội dung khởi kiện hủy Thông báo số 1073/TB-UBND ngày 30/10/2017 của UBND quận B về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại, căn cứ Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu đã rút.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 27/9/2017, người đại diện hợp pháp của ông Quang, bà Dự có Đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân quận B khiếu nại về việc UBND quận B thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi, đền bù đất của gia đình ông Quang, bà Dự không đúng đối tượng, không đúng thực trạng nguồn gốc đất. Ngày 30/10/2017, UBND quận B có Thông báo số 1073/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại. Ngày 16/01/2018, ông Quang, bà Dự có Đơn khởi kiện gửi Tòa án. Căn cứ Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

- Xét nội dung yêu cầu khởi kiện về tuyên hành vi hành chính của UBND quận B khi thu hồi diện tích 80m² thuộc thửa đất số 468 tờ bản đồ số 01 tại khu 8 phường A, quận B, thành phố Hải Phòng của ông Quang, bà Dự không bồi thường về đất ở đô thị là trái quy định của pháp luật; buộc UBND quận B phải bồi thường cho ông Quang, bà Dự theo giá đất ở đô thị:

[5] Về trình tự, thủ tục: Ngày 21/02/2000 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 130/QĐ-TTg về việc giao đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Ngã 5 – Sân bay Cát Bi. Thực hiện dự án, ngày 23/6/2004 liên Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng đã ban hành Tờ trình số 1112/TT-LS ngày 23/6/2004 về việc duyệt mức đền bù, thiệt hại đất đai và tài sản trên đất khi thu hồi đất phạm vi lô 3, lô 27, lô 28a, phường A, quận B để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Ngã 5 – Sân bay Cát Bi – đợt 20. Ngày 02/7/2004 UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày phê duyệt đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất và tài sản trên đất khi thu hồi đất tại phường A, quận B để thực hiện dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Ngã 5 – Sân bay Cát Bi (đợt 20) đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình L. Do hộ gia đình ông Nguyễn Đình L không chấp hành nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng, nên ngày 16/01/2007 UBND quận B đã ban hành Quyết định số 133/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với 51 hộ dân thuộc lô 3, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Đình L. Như vậy, về trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình L, UBND thành phố, UBND Quận B đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

[6] Về nguồn gốc đất: Theo bản đồ giải thửa và sổ mục kê năm 1987 thuộc thửa số 468, tờ bản đồ số 01 là đất nông nghiệp cá thể mang tên ông Trần Đức Minh diện tích là 1.304m². Theo bản đồ địa chính phường A lập năm 1999 thuộc thửa số 53, tờ bản đồ ĐK7, mục đích sử dụng: trồng lúa, tên chủ sử dụng là UBND phường A. Ông Trần Đức Túc (là con trai ông Trần Đức Minh) để lại cho cháu nội là Trần Đức Tiến quản lý sử dụng. Theo bản đồ thu hồi đất lập năm 2003 thuộc một phần thửa đất số 72, diện tích 836,6m². Năm 2003 ông Nguyễn Đình L (con trai ông Nguyễn Đình Q) đã đứng tên kê khai, kiểm kê ngày 12/6/2003. Theo Bảng tổng hợp xác nhận nguồn gốc sử dụng đất do UBND phường A, quận B lập thì đất của hộ ông Nguyễn Đình L là đất nông nghiệp cá thể xây nhà sau năm

2000 trên đất nông nghiệp cá thể (đất vườn) mua lại của ông Túc thuộc thửa số 72, tờ số 01 lô 3, diện tích 147,5m².

[7] Theo quy định tại mục 2, ý g, khoản 2, Điều 5, Quyết định số 423/QĐ-UB ngày 22/02/2002 của UBND thành phố Hải Phòng: Đất ở do chuyển mục đích sử dụng trái phép từ đất canh tác (kể cả 5%) sau ngày 15/10/1993 bồi thường theo giá đất nông nghiệp. Căn cứ vào quy định trên, hộ ông Nguyễn Đình L được bồi thường, hỗ trợ cụ thể: Diện tích thu hồi là 147,5m²; đơn giá bồi thường là: 30.000đ/m²; tổng số tiền bồi thường đối với đất là: 4.425.000đồng; số tiền bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc là: 34.582.774 đồng. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và vật kiến trúc là 39.007.774 đồng. Gia đình ông Nguyễn Đình L không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và không bàn giao mặt bằng theo quy định. Ngày 16/01/2007 UBND Quận B đã ban hành Quyết định số 133/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với 51 hộ dân thuộc lô 3, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Đình L.

[8] Tại Công văn số 425/CV-CCT ngày 15/9/2018 của Chi cục Thuế quận B, thành phố Hải Phòng thể hiện: Hồ sơ quản lý thuế tại Chi cục Thuế quận B xác định ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị D không có tờ khai thuế nhà đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, không có tên trong sổ bộ thuế. Tại buổi làm việc với ông Nguyễn Văn Ấu – Tổ trưởng Tổ dân phố cũng xác định từ quý IV/1992 đến ngày 04/9/2018, ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị D không kê khai, không nộp thuế nhà đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp vào ngân sách nhà nước.

[8] Như vậy, diện tích đất 80m² tại thửa 468, tờ bản đồ số 01, tại khu 8, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng không đủ điều kiện để bồi thường về đất ở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của ông Quang, bà Dự.

[9] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Quang, bà Dự phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị D về việc hủy Thông báo số 1073/TB-UBND ngày 30/10/2017 của UBND quận B về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Q và bà Trần Thị D về việc tuyên hành vi hành chính của UBND quận B khi thu hồi diện tích 80m² thuộc thửa đất số 468 tờ bản đồ số 01 tại khu 8 phường A, quận B, thành phố Hải Phòng của ông Quang, bà Dự không bồi thường về đất ở đô thị là trái quy định của pháp luật; buộc UBND quận B phải bồi thường cho ông Quang, bà Dự theo giá đất ở đô thị;

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình Q, bà Trần Thị D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông Quang, bà Dự được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0010662 ngày 05/3/2018** tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, ông Quang, bà Dự đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vinh Nguyễn Thị Linh Chi

Phạm Văn Phích

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phích

a) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ, xác minh thực địa khi cần thiết; lấy ý kiến xác nhận của Ủy ban nhân dân phường về tình trạng tranh chấp đất đai đối với thửa đất; ...; công bố công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trong thời gian mười lăm (15) ngày; xem xét các ý kiến đóng góp đối với các trường hợp xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ghi ý kiến đối với trường hợp không đủ điều kiện; trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì làm trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính; gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp người sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; gửi hồ sơ những trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo trích lục bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính đến Phòng Tài nguyên và Môi trường;

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất;

c) Thời gian thực hiện các công việc quy định tại điểm a và điểm b khoản này không quá năm mươi lăm (55) ngày làm việc (không kể thời gian công bố công khai danh sách các trường hợp xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính) kể từ ngày Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nhận đủ hồ sơ hợp lệ cho tới ngày người sử dụng đất nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

